

NGHỊ QUYẾT

**về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Trong những năm qua, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, góp phần thay đổi diện mạo các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 48,14% đầu năm 2016 xuống còn 29,97% cuối năm 2020; Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội. Giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân có nhiều tiến bộ; các giá trị văn hoá dân tộc truyền thống được bảo tồn và phát huy. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn được nâng cao. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được bảo đảm; đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố, tăng cường. Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tăng cường, đội ngũ cán bộ được kiện toàn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được còn một số tồn tại, hạn chế như: Kết quả phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa thực sự bền vững; toàn tỉnh hiện còn 07 huyện nghèo, 93 xã đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống còn xảy ra, chủ yếu là hộ đồng bào dân tộc thiểu số; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; việc ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chưa được đẩy mạnh; bản sắc văn hóa truyền thống của một số dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, tranh chấp đất đai, di cư tự do, tội phạm ma túy còn diễn ra và tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nhất là khu vực nông thôn, địa bàn các xã vùng cao, biên giới.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế đó là do: Xuất phát điểm về kinh tế của tỉnh thấp; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức và quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách còn hạn chế. Nhận thức về vai trò chủ thể của người dân chưa đầy đủ, chưa mạnh dạn đổi mới; một bộ phận người dân có tâm lý trông chờ,

ý lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Mặt khác, trước tình hình diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (*trong đó có đại dịch Covid-19*) đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, kích động nhằm mục đích gây mất ổn định chính trị, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người dân; là đầu tư cho phát triển bền vững, nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò quyết định; chú trọng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương cho phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của tỉnh; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ các hủ tục; thực

hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

(1)- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng/năm (*tương đương 2.600 - 3.000 USD/năm*). Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt trên 2.280 USD/người.

(2)- Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh bình quân hằng năm giảm từ 4% trở lên; trong đó: các huyện nghèo giảm bình quân từ 5,5% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 5% trở lên. Có ít nhất 01 huyện nghèo và trên 31 xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

(3)- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn, bản có đường giao thông từ xã đến trung tâm thôn, bản được cứng hóa; 100% số phòng học và 90% phòng nội trú được kiên cố hóa; 100% số trạm y tế có cơ sở hạ tầng bảo đảm quy định của Bộ Y tế; 98% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; trên 85% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

(4)- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định cho 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư cho trên 60% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại khu vực đặc biệt khó khăn, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

(5)- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99%, tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,84%, tỷ lệ học sinh 11 - 14 tuổi học trung học cơ sở đạt 96,7%, tỷ lệ học sinh 15 - 18 tuổi học trung học phổ thông và tương đương đạt 70,2%. Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 đạt 97,2%.

(6)- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm xuống dưới 16%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) giảm xuống dưới 20%; tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi dưới 18‰; tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi dưới 21‰; tỷ lệ phụ nữ

người dân tộc thiểu số được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai trên 75%; kiểm soát và duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số hợp lý (dưới 1,65%). Bình quân mỗi năm tổ chức cai nghiện ma túy cho 800 - 1.000 lượt người; trong đó, người dân tộc thiểu số 600 - 650 lượt người.

(7)- Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 5.500 - 5.700 lao động là người dân tộc thiểu số; giải quyết việc làm cho 6.300 - 6.500 lao động là người dân tộc thiểu số/năm; phấn đấu 50% lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu. Có từ 80% lao động người dân tộc thiểu số có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

(8)- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; trên 55% thôn, bản có nhà văn hóa; trên 50% thôn, bản có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

(9)- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống tại địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật giảm nghèo và các kiến thức, kỹ năng, mô hình giảm nghèo hiệu quả.

(10)- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương. 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.

(11)- Xóa tình trạng nhà ở dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,5%.

2.2.2. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

(1)- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2)- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới.

(3)- Hằng năm, thu hút 3% lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sang làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

(4)- Phấn đấu có 60% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

(5)- Không còn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái, tiến tới xây dựng môi trường sinh thái theo hướng bền vững; tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

(6)- Trên 85% số xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

(7)- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư cho 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong khu rừng đặc dụng và những nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

(8)- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong các Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh về: Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi; nội dung, tầm quan trọng, sự cần thiết phải đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phải được tiến hành thường xuyên; nội dung thông tin, tuyên truyền bảo đảm phù hợp, thiết thực, hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú để đồng bào hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và tin tưởng thực hiện chính sách giảm nghèo; đồng thời, khơi dậy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực, quyết tâm vươn lên thoát nghèo bền vững, làm giàu chính đáng. Phát huy vai trò tích cực của già làng, chúc sắc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng.

Đẩy mạnh Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau"; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến đối với các hộ nỗ lực vươn lên thoát nghèo tiêu biểu, các tổ chức, cá nhân tham gia và có những việc làm thiết thực giúp các hộ nghèo thoát nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo dân tộc thiểu số.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững

Tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây

dựng tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc và giảm nghèo theo hướng đồng bộ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, khắc phục tình trạng không có tổ chức đảng và đảng viên ở các thôn, bản.

Tăng cường sự phối hợp, nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước; xây dựng, hoàn thiện các quy định phân cấp trong quản lý về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện; đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, bảo đảm vai trò của người dân trong việc giám sát, đánh giá.

3. Tập trung thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là chủ trương, chính sách, dự án liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

(1)- Giải quyết những vấn đề bức xúc như: Thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở, thiếu việc làm, chuyển đổi nghề. Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất đối với nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và ưu tiên phát triển toàn diện đối với nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

(2)- Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo, tạo việc làm, sinh kế bền vững. Phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, phát huy lợi thế tiềm năng của từng vùng gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”; xây dựng vùng được liệu, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, thế mạnh của vùng, địa phương để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

(3)- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như: Đường giao thông, thuỷ lợi,

nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, chợ...; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư những nơi cần thiết; đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn; bảo đảm các hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

(4)- Đẩy mạnh hoạt động tín dụng ưu đãi và tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với chính sách khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật và nhân rộng mô hình giảm nghèo một cách hiệu quả.

(5)- Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực đặc biệt khó khăn. Duy trì và nâng cao kết quả xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Nâng cao chất lượng giáo dục và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; tăng cường dạy chữ dân tộc.

(6)- Phát triển hệ thống y tế phù hợp với điều kiện miền núi, vùng cao, gắn với tình hình dịch bệnh mới. Tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở tuyến trên thông qua chính sách bảo hiểm y tế. Nâng cao sức khỏe cá thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ của người dân. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, nhất là giải quyết xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

(7)- Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở ở từng vùng, từng địa phương; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hoá; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hoá, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc thiểu số.

(8)- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong cấp ủy và các cơ quan dân cử các cấp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực

hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số; ưu tiên đào tạo nhân lực cho nhóm các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù.

(9)- Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo để nâng cao trình độ nhận thức, kỹ năng nghề cho người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu sử dụng và tạo việc làm ổn định, bền vững, cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống, hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh hoạt động hợp tác, đối ngoại

Thực hiện lồng ghép, sử dụng hiệu quả vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án, vốn tín dụng, vốn đầu tư công... để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích bằng các cơ chế về đất đai, thuế, lao động, nhằm thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ xã hội thiết yếu vào vùng đồng bào dân tộc, nhất là vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong sử dụng các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ; phát huy vai trò giám sát của các tổ chức đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, đối ngoại trong các vấn đề liên quan đến công tác dân tộc; tăng cường thu hút nguồn vốn ODA và các nguồn lực đầu tư khác để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp chủ động, tích cực tham gia tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chính sách dân tộc; phối hợp với các cấp chính quyền tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xóa bỏ tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

Tăng cường công tác nắm tình hình cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của người dân, quan tâm hơn nữa đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào các dân tộc, nhất là đối với những người thuộc nhóm yếu thế trong xã hội như: Phụ nữ, người già, trẻ em, người nghèo...

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thông qua việc phản biện chính sách và giám sát quá trình thực hiện.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực hiện đúng, hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, nhất là những việc có liên quan đến lợi ích thiết thực của Nhân dân các dân tộc ở cơ sở.

6. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; lòng ghép và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong thực hiện các chương trình, dự án phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phát huy vai trò, sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đoàn kết các dân tộc, kịp thời ngăn chặn và ứng phó hiệu quả với mọi tình huống, bảo vệ cuộc sống hòa bình, tự do, ấm no, hạnh phúc của Nhân dân. Chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh trật tự.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh cho đồng bào dân tộc thiểu số, giúp đồng bào hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán và những người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền nhằm gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội và các lực lượng vũ trang trong tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phòi biến, quán triệt Nghị quyết này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Căn cứ nội dung Nghị quyết và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện cụ thể hoá bằng nghị quyết, chương trình hoặc kế hoạch để triển khai thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh kịp thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình hoặc kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Định kỳ tổ chức thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết này.

6. Các ban Đảng tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng: Ủy ban Dân tộc, Bộ LĐ-TB và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & PTNT,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH1.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Thắng